

Bản án số: 161/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh ngày 06/11/1993 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh ngày 20/10/1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 21/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay và chung sống hòa thuận. Tháng 8/2019 anh T

đi lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5 năm 2022 chị chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện để về đoàn tụ nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo nhưng cũng không có kết quả. Kể từ tháng 5/2022 chị và anh T không còn gọi điện, liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Tiên T, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay đang sinh sống cùng chị. Tuy nhiên, sau khi anh T về nước chị cho con sang chơi với anh T thì anh T không cho chị đón con về. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 8/9/2022 bị đơn anh Vũ Văn T là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 21/04/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Tháng 8 năm 2019 anh đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi sang Nhật Bản lao động vợ chồng vẫn hòa thuận. Ngày 19 tháng 6 năm 2022 anh nhận được video quay lại cảnh quan hệ giữa chị H với người đàn ông khác. Anh có gọi điện hỏi chị H về nội dung của video thì chị H thừa nhận việc mình có quan hệ với người đàn ông khác. Anh có gọi điện về cho mẹ vợ để thông báo sự việc xảy ra, nếu chị H nhận lỗi, xin lỗi thì anh vẫn đồng ý tha thứ để gia đình đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Khi gia đình anh biết chuyện gia đình anh có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng không có kết quả. Tháng 7 năm 2022 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ tháng 7 năm 2022 đến nay anh và chị H không còn liên lạc với nhau nữa.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Vũ Tiên T, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh. Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H không rút đơn khởi kiện, chị H và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Lương Thị H trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T vì vợ chồng có mâu thuẫn, chị mâu thuẫn với cả nhà chồng nên chị và anh T đã phải thuê nhà ra ở riêng từ năm 2017, đến 2019 anh T đi xuất khẩu lao động chị không đồng ý nhưng anh T vẫn đi. Tháng 7/2022 chị chuyển về nhà mẹ chị ở. Anh T mới từ nước ngoài về nhưng chị và anh T cũng không chung

sống, không quan tâm nhau. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm được nuôi con chung Vũ Tiến T, chị có đủ điều kiện nuôi con chung vì từ khi anh T đi nước ngoài con chung do chị nuôi dưỡng, thời gian anh T về nước đón con về ở cùng chị xuống nhà anh T để đón con nhưng anh T và gia đình anh T không cho đón con, chị đã báo chính quyền địa phương hai lần. Hiện nay, chị đang làm ở Công ty Sconect ở khu công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, chị làm giờ hành chính, thi thoảng có tăng ca nhưng vẫn đảm bảo thời gian chăm con, được nuôi con chị vẫn để con học trường cũ, không phải chuyển trường học, nếu được nuôi cháu T chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đồng ý chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Vũ Văn T trình bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do chị H ngoại tình gia đình anh vẫn tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nếu chị Hoài xin lỗi anh và gia đình anh, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi con. Sau khi được Tòa án phân tích giải thích cũng như việc chị H cương quyết ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh không đồng ý yêu cầu của chị H đề nghị giao con cho chị H nuôi, anh đề nghị giao con chung cho anh nuôi vì điều kiện kinh tế của anh và gia đình anh tốt hơn, thu nhập, kinh tế của chị H và gia đình chị H không bằng gia đình anh, anh về nước tháng 8/2022. Hiện nay anh làm công việc cắt tỉa cây cảnh cho anh Đỗ Trường G ở thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Nếu được nuôi cháu Thành anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa nên đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Vũ Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Vũ Tiến T cho chị Lương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ: Do chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Lương Thị H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lương Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và hộ chiếu anh Vũ Văn T cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xác định khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 04/8/2022 anh T vẫn đang làm việc tại Nhật Bản, ngày 09/8/2022 anh T mới nhập cảnh về nước. Do đó, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh T là bị đơn đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/04/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết đề nghị được ly hôn anh T vì chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, từ khi anh T về nước đến nay chị và anh T không chung sống cùng nhau và không quan tâm đến nhau, anh T sau khi được hòa giải, phân tích cũng như nghe ý kiến trình bày của chị H cương quyết được ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Vũ Văn T.

[4]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Tiến T, sinh ngày 25/12/2015. Sau khi ly hôn anh T và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu, nguyện vọng được nuôi con chung của chị H, anh T. Hội đồng xét xử thấy: Về điều kiện nuôi con chung của chị H và anh T là ngang nhau, chị H và anh T đều có việc làm, có thu nhập, anh T ở chung cùng bố, mẹ, chị H ở cùng mẹ, khi có công việc bận cũng đều phải nhờ bố mẹ chăm sóc cháu T con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy: từ khi anh T đi lao động tại Nhật Bản năm 2019 đến nay, cháu T vẫn do chị H trực tiếp dạy bảo, chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Từ tháng 7/2022 chị H cùng con về nhà để sinh sống, tháng 8/2022 anh T về nước, chị H cho anh T đón

con về chơi nhưng khi chị H sang đón con về cho con đi học thì bị gia đình anh T ngăn cản, gây khó khăn không cho đón (Biên bản xác minh với chính quyền địa phương bút lục 39). Việc cản trở đón con của gia đình anh T làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền thăm nom con của chị H. Ngoài ra, cháu T hiện vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ cũng như để ổn định tâm lý, quyền lợi mọi mặt của con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H được nuôi con chung sau khi ly hôn. Giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Tiến T đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của cháu T. Không có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh T giao con chung cho anh T Trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu sau này quá trình chị H nuôi con, anh Vũ Văn T chứng minh được chị H là người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Do chị H và anh T thuận tình ly hôn thì mỗi bên phải chịu 50% mức án phí là 75.000 đồng, nhưng chị Lương Thị H nhận chịu cả 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị H 150.000 đồng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Vũ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Vũ Tiến T, sinh ngày 25/12/2015 cho chị Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 150.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000539 ngày 03/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị H 150.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lương Thị H, anh Vũ Văn T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (20/9/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đức Giang, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

